

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2021/DS-ST

Ngày: 31/12/2021

V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm NNguyễn.

2. Ông Lê Quốc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố LX Thm gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố LX, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 05 năm 2021, Thông báo mở phiên tòa số: 817/2021/TB-TA ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1950.

Địa chỉ: số 14 đường D, phường M, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà La Thị NT, sinh năm 1973 (có mặt);

Ông M (tên gọi khác là Q), sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: số 94 đường L, khóm A, phường M, thành phố LX, tỉnh AG.

Địa chỉ liên lạc: số 26 đường Chu Văn An, phường Mỹ Long, thành phố LX, tỉnh AG.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hồ Thị Th1, sinh năm 1942

3.2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1942

Địa chỉ: số 261A hẻm 7, đường T, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG (Bà Th1 và ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị Th trình bày:

Cha mẹ của bà là ông Hồ Văn Q1 (tên gọi khác là Hồ Văn Q) đã chết, mẹ tên là bà Từ Thị D(đã chết), ông Q1 và bà D có sáu người con gồm: Bà Hồ Thị Đàm đã chết, Bà Hồ Thị Thắm đã chết, bà Hồ Thị Th1, sinh năm 1942, Bà Hồ Thị N đã chết, ông Hồ Văn Phú đã chết và bà Hồ Thị Th; Bà La Thị NT là cháu ruột của bà Th, ông M (Q) là chồng bà T.

Khi cha mẹ còn sống có tạo lập tài sản là căn nhà, đất tại địa chỉ số 14 đường Dự Định, khóm 4, phường Mỹ Long, thành phố LX, cha mẹ chết không để lại D chúc nhà, đất hoặc tài sản bàn ghế trong nhà cho bất kỳ ai trong gia đình. Tuy nhiên, trước khi ông Q1 chết đã hứa cho để lại nhà, đất và toàn bộ vật dụng trong nhà gồm có tủ thờ căn xà cừ cho bà Th là con gái út trông coi, quản lý sử dụng.

Đến năm 2000, bà Th bỏ địa phương đi Hà Nội tranh chấp kiện tụng với bà Huỳnh Thị H về số tiền, vàng và nhờ ông Lê Văn Đ là anh rể (chồng bà Th1) trông nom nhà cửa. Do ông Đ có nhà riêng, không thường xuyên lui tới, bỏ hoang nhà trong thời gian dài và sợ kẻ gian lấy trộm nên ông Đ nhờ bà T và ông Q là con cháu trong gia đình đem tủ thờ của bà Th về nhà bà T để giữ gìn, trông coi, thực tế bà Th không tặng cho hay mua bán tủ thờ với bà T, ông Q vì tủ thờ là của riêng bà Th đã được cha mẹ cho từ khi còn sống, các anh chị em trong gia đình không tranh chấp.

Đến năm 2016, bà Th về LX, tỉnh AG và cư trú tại căn nhà nêu trên, được biết ông Đ đã nhờ bà T giữ gìn tủ thờ nên bà Th có yêu cầu bà T và ông Q trả lại tủ thờ nhưng ông bà không đồng ý, sự việc pháp sinh tranh chấp khởi kiện yêu cầu bà T và ông M (Q) trả lại 01 tủ thờ bằng gỗ màu nâu, căn xà cừ chiều cao 1,3m x chiều dài 1,6m cho bà Th quản lý sử dụng, giá trị tài sản là 300.000.000đ.

Theo ý kiến trình bày trong biên bản hòa giải vào các ngày 23/04/2021, 25/05/2021, biên bản đối chất ngày 25/05/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Q và T trình bày: Ông bà xác định có nhận giữ giữ một tủ thờ đúng như lời bà Th trình bày, trong thời gian nhận giữ tài sản có sửa chữa như bắt ốc vít, sơn PU và hiện nay đang thờ ông bà, cha mẹ trong đó có cha mẹ của bà Th tại địa chỉ số 26 đường CV, phường M là đúng sự thật. Tuy nhiên, tại thời điểm năm 2016 bà Th đã hứa tặng cho tủ thờ cho bà T và ông Q, chỉ nói miệng và hai bên không lập giấy tờ văn bản, một phần là do tin tưởng với nhau là những người trong gia đình, mặc khác khi bà Th trở về AG cũng đã đồng ý tặng cho tủ thờ, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ trình bày theo bản khai ngày 11/06/2021, 07/07/2021, biên bản hòa giải vào các ngày 23/04/2021, 25/05/2021, biên bản đối chất ngày 25/05/2021 như sau: Năm 2010, ông Đ có liên hệ vợ chồng ông Q, bà T đến nhà bà Th nhận 01 tủ thờ của cha mẹ để lại đúng như lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Th để gửi giữ tại nhà ông Q và bà T. Ông Đ được biết bà Th chỉ gửi tạm tủ thờ trong nhà bà T, thực tế bà Th không có cho bà T. Tất cả sự việc nêu trên hoàn toàn chỉ dựa vào lời nói, không có giấy tờ, chứng cứ vì các bên tranh chấp là những người trong cùng một gia đình. Trong quá trình tranh chấp, được nhóm 3, phường Mỹ Long, thành phố LX giải quyết và tại buổi hòa giải ông Đ có nghe bà Th nói để lại tủ thờ cho bà T quản lý, sử dụng, còn thỏa thuận bên ngoài giữa bà Th và bà T thì ông Đ không rõ. Nay, sự việc tranh chấp giữa các bên ông không ý kiến vì đây là tài sản bên vợ và ông có yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bà Hồ Thị Th1 không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của bị đơn, bà Th1 có yêu cầu xét xử vắng mặt do sức khỏe không đảm bảo Thm gia xét xử tại Tòa án, ông bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án và không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M (Q), bà La Thị NT trả lại 01 tủ thờ bằng gỗ màu nâu, chân xà cừ chiều cao 1,3m, chiều dài 1,6m cho bà, giá trị tủ thờ 40.000.000 đồng theo báo cáo kết quả thẩm định số 230926/BCCT-SGL ngày 13/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL. Về chi phí tố tụng với số tiền 3.300.000đ theo biên lai thu tiền thẩm định giá tủ thờ ngày 11/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL (BL số 95) và 500.000đ theo phiếu chi ngày 06/07/2021 (BL số 82). Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tủ thờ 3.800.000đ (ba triệu, tám trăm ngàn đồng) bà Th đã tạm ứng và tự nguyện chịu, không yêu cầu bà T và ông Q hoàn trả.

Nay, bà T và ông M đồng ý tự nguyện giao trả lại tủ thờ cho bà Th vào ngày 23/11/2021. Bà Th đồng ý, do phía bà T yêu cầu cần có thời gian mua tủ thờ khác và ngày 23 tháng Chạp sau khi cúng ông bà sẽ trả lại tủ thờ cho bà Th là phù hợp đạo Đ và truyền thống ông bà.

Bị đơn ông M (Q) và bà La Thị NT trình bày: Ông bà xác định và thừa nhận có nhận 01 tủ thờ đúng như bà Th trình bày, đã được xác lập theo báo cáo kết quả thẩm định số 230926/BCCT-SGL ngày 13/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL lập biên bản. Ông M và bà T xác định trước đây bà Th đã hứa cho tủ thờ cho vợ chồng ông M và bà T. Do mối quan hệ gia đình nên không có làm giấy tờ, biên bản chứng minh nhưng tại phiên tòa hôm nay xác định có nhận tủ thờ đúng theo trình bày của bà Th là sự thật. Hiện nay, có thờ ông bà, cha mẹ và đồng ý hoàn trả lại cho bà Th số tiền 40.000.000đ và một khoản chi phí hợp lý để ổn định tủ thờ cho ông M và bà T nhằm thờ cúng ông bà. Tuy nhiên, bà Th không đồng ý thì nay ông bà tự nguyện trả lại tủ thờ

cho bà Th ngay vào ngày 23 tháng Chạp ngày âm lịch để có thời gian mua tử thờ khác Thy thế và cần cúng bái ông bà để hoàn trả lại tử thờ cho bà Th. Hai bên không tranh chấp, tự nguyện thực hiện giao trả tử thờ trên tinh thần thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Đ và bà Hồ Thị Th1 vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố LX:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự theo khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ Luật tố tụng dân sự. Riêng bà Th1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Năm 2010 bà Th nhờ ông Đ và bà Th1 trong coi hộ căn nhà. Trong đó, có 01 tử thờ bằng gỗ màu nâu, cần xà cừ, có kích thước chiều cao 1.35m x chiều rộng 1,20m x chiều dày 0,52m. Do sợ mất, hư hỏng tài sản nên bà Th nhờ ông Đ liên hệ ông M (Q), bà T giữ dùm. Nay, bà Th khởi kiện yêu cầu ông M và T trả lại tử thờ nhưng ông M và bà T không đồng ý vì cho rằng bà Th đã tặng cho bà T ông Q nên không đồng ý trả lại tử thờ.

Căn cứ biên bản đối chất ngày 25/05/2021, bà T thừa nhận tử thờ bằng gỗ màu nâu, cần xà cừ có kích thước chiều cao 1.35m x chiều rộng 1,20m x chiều dày 0,52m có nguồn gốc là của bà Th để lại từ năm 2010, do ông Đ liên hệ với ông Q và bà T để gửi giữ từ năm 2010 đến nay và có sửa chữa do có hư hỏng vào năm 2015 đồng thời phía ông Đ xác nhận bà Th chỉ gửi tạm chứ không cho bà T tử thờ. Phía ông Q (M) và bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Th đã tặng cho ông bà tử thờ. Do đó, bà Th cho rằng tử thờ đã nêu trên thuộc quyền sở hữu của bà Th và yêu cầu ông M, bà T trả lại tử thờ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 256, 559, 561 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc ông M và bà T trả lại 01 tử thờ bằng gỗ màu nâu, cần xà cừ có kích thước chiều cao 1.35m x chiều rộng 1,20m x chiều dày 0,52m cho bà Th là phù hợp quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho các đương sự, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ và bà Hồ Thị Th1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Hồ Thị Th khởi kiện ông M, bà La Thị NT về tranh chấp dân sự, hiện nay bị đơn đang cư trú tại phường Mỹ Long, thành phố LX, tỉnh AG. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu tranh chấp với ông M và bà T về tài sản là tủ thờ đã được hai bên thống nhất xác định giao nhận vào năm 2010. Xét, tranh chấp giữa các đương sự phát sinh trong giao dịch dân sự về quyền tài sản là tủ thờ theo quy định tại các Điều 163, 256 Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp đòi tài sản để giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Năm 2010 (không rõ ngày tháng) ông Lê Văn Đ được bà Hồ Thị Th nhờ trong coi hộ căn nhà tại địa chỉ số 14 đường D, phường M, thành phố LX, tỉnh AG để bà Th yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp việc cá nhân tại Hà Nội. Trong thời gian trong coi, ông Đ có nhờ ông M và bà T giữ gìn 01 tủ thờ cẩn xà cừ. Ông M, bà T đồng ý và giữ tại nhà của ông bà tại địa chỉ số 26 đường Chu Văn An, phường Mỹ Long, thành phố LX từ năm 2010. Khi giao nhận tài sản hai bên không thỏa thuận lập văn bản, thời gian gửi giữ, chi phí. Đến năm 2016, ông M và bà T có sửa chữa lại tủ thờ như Thы ớc vít, sơn PU, cẩn lại xà cừ bị hư hỏng và sử dụng cho đến nay. Do nhu cầu sử dụng nên bà Th yêu cầu ông M và T trả lại tủ thờ nhưng ông M và bà T không đồng ý, vụ việc phát sinh tranh chấp.

[5] Hội đồng xét xử nhận định:

[5.1] Xét các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự bà Hồ Thị Th, ông M, bà La Thị NT và ông Lê Văn Đ thừa nhận tủ thờ bằng gỗ màu nâu, cẩn xà cừ có kích thước chiều cao 1.35m x chiều rộng 1,20m x chiều dày 0,52m thể hiện báo cáo kết quả thẩm định số 230926/BCCT-SGL ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL là của bà Hồ Thị Th. Tủ thờ do ông Hồ Văn Q1 là cha của bà Th đã cho bà Th khi ông Q1 còn sống, các đương sự không tranh chấp về nguồn gốc tài sản đối với bà Th.

[5.2] Xét ý kiến trình bày của ông M và bà T xác định vào năm 2010 theo đề nghị của ông Đ nên có nhận giữ 01 tủ thờ gỗ cẩn xà cừ của bà Th do ông Ngoại

đề của bà T là Hồ Văn Q1 (Q) để lại cho bà Th đúng như lời bà Th trình bày và được xác định đúng như báo cáo kết quả thẩm định số 230926/BCCT-SGL của Công ty SGL, để bảo đảm sử dụng nên có sửa chữa hư hỏng và đã sử dụng từ năm 2016 đến nay là đúng sự thật, phía bà Th đã hứa tặng cho ông bà nhưng hai bên không lập thành văn bản vì giữa các bên có mối quan hệ trong thân tộc gia đình nên không đồng ý hoàn trả tử thờ cho bà Th. Tuy nhiên, ông M và bà T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Th tặng cho ông bà tử thờ và không được bà Th chấp nhận. Hơn nữa, ông Đ xác định phía bà Th chỉ gửi tạm nhà bà T, không tặng cho và tại phiên tòa ông M và bà T tự nguyện trả lại tử thờ theo yêu cầu khởi kiện của bà Th, về chi phí sửa chữa ông bà không yêu cầu giải quyết. Do đó, có căn cứ xem xét tử thờ thuộc quyền sở hữu của bà Th và yêu cầu ông M, bà T liên đới trách nhiệm trả lại tử thờ cho bà Th là phù hợp quy định tại các Điều 163, 256, 559, 561 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông M và bà T trả lại 01 tử thờ bằng gỗ màu nâu, cần xà cừ có kích thước chiều cao 1.35m x chiều rộng 1,20m x chiều dày 0,52m cho bà Th với giá trị tài sản được hai bên thống nhất xác định 40.000.000đ, kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 230926/BCCT-SGL ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL. Đối với số tiền sửa chữa hư hỏng ông M và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Th có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông M và bà T nộp số tiền 200.000đ tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp: Tại phiên tòa bà Th tự nguyện nộp số tiền chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000đ và 3.300.000đ chi phí định giá tài sản. Xét bà Th tự nguyện nộp chi phí tố tụng và định giá tài sản phù hợp quy định tại các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, bà Th nộp số tiền 3.800.000đ và đã nộp đủ theo phiếu chi ngày 06/07/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX và biên lai thu tiền ngày 11/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL. Bà T và ông M không nộp chi phí tố tụng.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 163, 164, 256, 599, 561 Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 179, khoản 1 Điều 227;

khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Th đối với bà La Thị NT với ông M (tên gọi khác là Q).

Buộc bà La Thị NT, ông M (tên gọi khác là Q) liên đới trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Th 01 (một) tủ thờ gỗ cần xà cù có kích thước chiều cao 1.35m x chiều rộng 1,20m x chiều dày 0,52m. Giá trị tài sản 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 230926/BCCT-SGL ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL.

Về án phí sơ thẩm: Ông M và bà La Thị NT nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị Th tự nguyện nộp số tiền 3.800.000đ (ba triệu, tám trăm ngàn đồng). Bà Th đã nộp đủ theo phiếu chi ngày 06/07/2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX và biên lai thu tiền ngày 11/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thẩm định giá SGL.

Bà Hồ Thị Th, ông M (Q), bà La Thị NT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Văn Đ, bà Hồ Thị Th1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Phương

